

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **210/2018/DS-ST**

Ngày: 29-10-2018

V/v tranh chấp “*Hợp đồng*

góp hui, vay tài sản, mua bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai.

2. Ông Nguyễn Văn Chót.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2018/TLST-DS ngày 21/5/2018 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hui, vay tài sản, mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2171/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa và Thông báo dời lịch xét xử số: 2320/TB-TA ngày 19/10/2018 các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị N, sinh năm 1973. (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 148/3, ấp TQ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Trần Thanh N1, sinh năm 1960. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 184/1, ấp АД, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số nhà 148/3, ấp TQ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Ông M ủy quyền cho bà Trần Thị N tham gia tố tụng tại Tòa án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/5/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị N (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn M) trình bày:

Trước đây ông Trần Thanh N1 và vợ là bà Phạm Thị Kiều O (bà O đã chết vào ngày 27/3/2018) có tham gia nhiều dây hui do bà làm chủ, các dây hui như sau:

- Dây hui thứ nhất: 2.000.000 (Hai triệu) đồng, có 22 hui viên trong đó ông N1, bà O tham gia chơi 01 phần, hui khai ngày 06/10/2016 âm lịch (tức 05/11/2016 dương

lịch), ngày mỗn hui 10/6/2018 ăm lịch (tức 22/7/2018 dương lịch). Ông N1, bà O thực hiện hốt đầu và đống cho bà đến tháng 12/2017 thì không đống nữa, số tiền nợ của đây hui này là 06 tháng x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng (có biên nhận ngày 11/10/2016 ăm lịch, do bà O ký)

- Đây hui thứ hai: 3.000.000 (Ba triệu) đồng, có 22 hui viên trong đó ông N1, bà O tham gia chơi 01 phần, hui khui ngày 25/12/2016 ăm lịch (tức 22/01/2017 dương lịch), ngày mỗn hui 29/8/2018 ăm lịch (tức 08/10/2018 dương lịch). Ông N1, bà O thực hiện hốt đầu và đống cho bà đến tháng 12/2017 thì không đống nữa, số tiền nợ của đây hui này là 08 tháng x 3.000.000 đồng = 24.000.000 đồng (có biên nhận ngày 30/12/2016 ăm lịch do ông N1, bà O ký)

- Đây hui thứ ba: 1.000.000 (Một triệu) đồng, có 22 hui viên trong đó ông N1, bà O tham gia chơi 01 phần, hui khui ngày 20/6/2017 ăm lịch (tức 13/7/2017 dương lịch), ngày mỗn hui 25/02/2019 ăm lịch (tức 30/3/2019 dương lịch). Ông N1, bà O thực hiện hốt đầu và đống cho bà đến tháng 3/2018 thì không đống nữa, số tiền nợ hui đã vi phạm là 07 tháng x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng, số tiền nợ hui chưa vi phạm là 05 tháng x 1.000.000 đồng = 5.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền nợ của đây hui này 12.000.000 đồng (có biên nhận ngày 25/6/2016 ăm lịch do bà O ký)

- Đây hui thứ Tư : 3.000.000 (Ba triệu) đồng, có 22 hui viên trong đó ông N1, bà O tham gia chơi 01 phần, hui khui ngày 01/10/2017 ăm lịch (tức 18/11/2017 dương lịch), ngày mỗn hui 06/6/2019 ăm lịch (tức 08/7/2019 dương lịch). Ông N1, bà O thực hiện hốt đầu và đống cho bà đến tháng 2/2018 thì không đống nữa, số tiền nợ hui đã vi phạm là 07 tháng x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng, số tiền nợ hui chưa vi phạm là 09 tháng x 3.000.000 đồng = 27.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền nợ của đây hui này 48.000.000 đồng (có biên nhận ngày 08/10/2016 ăm lịch do ông N1, bà O ký)

Tổng số tiền của 04 đây hui do ông N1, bà O còn thiếu của bà là: 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra vào năm 2017 bà có bán cho ông N1, bà O một chiếc xe máy hiệu Future, biển số 71-S5, 8240 với giá 20.000.000 đồng và tiền vốn vay 5.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, bà giao giấy tờ xe và xe cho ông N1 sử dụng, khi nào trả tiền đủ thì ông M (chồng bà) sẽ sang tên cho ông N1. Qua giải quyết tại tòa thì ông N1 không thừa nhận nợ tiền bán xe, tiền vay và do bà chưa có chứng cứ chứng minh nên bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh N1 phải trả cho bà 01 lần của số tiền vốn hui đã vi phạm là 64.000.000 đồng, số tiền còn lại của các đây hui chưa mỗn (thứ ba+ thứ tư) là 32.000.000 đồng thì bà yêu cầu ông N1 thực hiện đống hui chết từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi các đây hui mỗn.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Thanh N1 trình bày:

Ông thừa nhận khi vợ của ông là bà Phạm Thị Kiều O còn sống có tham gia 04 dây hụi do bà Trần Thị N làm chủ, bà O đã thực hiện hốt hết 04 dây hụi và bà N đã giao tiền đầy đủ. Các dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ nhất: 2.000.000 (Hai triệu) đồng, có 22 hụi viên trong đó bà O tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 06/10/2016 âm lịch (tức 05/11/2016 dương lịch), ngày mãn hụi 10/6/2018 âm lịch (tức 22/7/2018 dương lịch). Bà O thực hiện hốt đầu và đóng cho bà N đến tháng 12/2017 thì không đóng nữa, số tiền nợ của dây hụi này là 06 tháng x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng (có biên nhận ngày 11/10/2016 âm lịch, do bà O ký)

- Dây hụi thứ hai: 3.000.000 (Ba triệu) đồng, có 22 hụi viên trong đó bà O tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 25/12/2016 âm lịch (tức 22/01/2017 dương lịch), ngày mãn hụi 29/8/2018 âm lịch (tức 08/10/2018 dương lịch). Bà O thực hiện hốt đầu và đóng cho bà N đến tháng 12/2017 thì không đóng nữa, số tiền nợ của dây hụi này là 08 tháng x 3.000.000 đồng = 24.000.000 đồng (có biên nhận ngày 30/12/2016 âm lịch do ông và bà O ký)

- Dây hụi thứ ba: 1.000.000 (Một triệu) đồng, có 22 hụi viên trong đó bà O tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 20/6/2017 âm lịch (tức 13/7/2017 dương lịch), ngày mãn hụi 25/02/2019 âm lịch (tức 30/3/2019 dương lịch). Bà O thực hiện hốt đầu và đóng cho bà N đến tháng 3/2018 thì không đóng nữa, số tiền nợ hụi đã vi phạm là 07 tháng x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng, số tiền nợ hụi chưa vi phạm là 05 tháng x 1.000.000 đồng = 5.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền nợ của dây hụi này 12.000.000 đồng (có biên nhận ngày 25/6/2016 âm lịch do bà O ký)

- Dây hụi thứ Tư : 3.000.000 (Ba triệu) đồng, có 22 hụi viên trong đó bà O tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 01/10/2017 âm lịch (tức 18/11/2017 dương lịch), ngày mãn hụi 06/6/2019 âm lịch (tức 08/7/2019 dương lịch). Bà O thực hiện hốt đầu và đóng cho bà N đến tháng 2/2018 thì không đóng nữa, số tiền nợ hụi đã vi phạm là 07 tháng x 3.000.000 đồng = 21.000.000 đồng, số tiền nợ hụi chưa vi phạm là 09 tháng x 3.000.000 đồng = 27.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền nợ của dây hụi này 48.000.000 đồng (có biên nhận ngày 08/10/2016 âm lịch do ông và bà O ký).

Tại phiên tòa ông thừa nhận 04 dây hụi mà bà O đã hốt của bà N thì số tiền hụi chết chưa trả cho bà N tính đến khi các dây hụi mãn thì còn nợ của bà N là 96.000.000 đồng. Do bà O đã chết nên nay ông đồng ý có trách nhiệm trả cho bà N toàn bộ số tiền này, nhưng yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, trả đến khi nào hết nợ.

Còn đối với khoản nợ tiền xe 20.000.000 đồng và tiền vay 5.000.000 đồng, tại phiên tòa bà N đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông nên ông cũng không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Trần Thị N tranh chấp hợp đồng góp hội, vay tài sản, mua bán tài sản với bị đơn Trần Thanh N1 theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Hợp đồng góp hội, vay tài sản, mua bán tài sản giữa bà Trần Thị N với ông Trần Thanh N1, bà Phạm Thị Kiều O được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 430, 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Bà Trần Thị N yêu cầu ông Trần Thanh N1 phải trả cho bà 01 lần của số tiền vốn hội đã vi phạm là 64.000.000 đồng, số tiền còn lại của các dây hội chưa mãn (thứ ba+ thứ tư) là 32.000.000 đồng thì yêu cầu ông N1 thực hiện đóng hội chết từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi các dây hội mãn, không yêu cầu tính lãi. Ông Trần Thanh N1 thừa nhận vợ của ông N1 là bà Phạm Thị Kiều O có nợ tiền hội của bà N là 96.000.000 đồng và ông N1 đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền này, nhưng yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, trả đến khi nào hết nợ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc ông Trần Thanh N1 phải có nghĩa vụ trả cho bà N phần hội đã vi phạm nghĩa vụ với số tiền là 64.000.000 đồng. Còn phần hội chưa vi phạm là 32.000.000 đồng thì ông N1 phải có nghĩa vụ đóng hội chết hàng tháng cho bà N được tính từ tháng 11/2018 (dương lịch) cụ thể như sau:

- Tháng 11/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hội khai vào các ngày dương lịch: 13/7/2017; 18/11/2017.

- Tháng 12/2018 dương lịch đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hội khai vào các ngày: 13/7/2017; 18/11/2017.

- Tháng 01/2019 dương lịch đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hội khai vào các ngày: 13/7/2017; 18/11/2017.

- Tháng 02/2019 dương lịch đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hội khai vào các ngày: 13/7/2017; 18/11/2017.

- Tháng 3/2019 dương lịch đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hội khai vào các ngày: 13/7/2017; 18/11/2017.

- Tháng 4/2019 dương lịch đóng 3.000.000 (Ba triệu) đồng của dây hội khai vào ngày 18/11/2017.

- Tháng 5/2019 dương lịch đóng 3.000.000 (Ba triệu) đồng của dây hội khai vào ngày 18/11/2017.

- Tháng 6/2019 dương lịch đóng 3.000.000 (Ba triệu) đồng của dây hội khai vào ngày 18/11/2017.

- Tháng 7/2019 dương lịch đóng 3.000.000 (Ba triệu) đồng của dây hội khai vào ngày 18/11/2017.

[5] Đối với tiền bán xe 20.000.000 đồng và tiền vay 5.000.000 đồng thì bà N đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Thanh N1 tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N.

[6] Về án phí: Ông Trần Thanh N1 phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Nhưng ông N1 không phải chịu tiền án phí của phần hui chưa vi phạm nghĩa vụ 32.000.000 đồng. Số tiền án phí ông N1 phải nộp (64.000.000 đồng x 5%) là: 3.200.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc ông Trần Thanh N1 phải trả cho bà Trần Thị N số tiền 96.0000.000 (Chín mươi sáu triệu) đồng, nhưng được thực hiện trả nợ cụ thể như sau:

Ông Trần Thanh N1 phải trả một lần cho bà Trần Thị N số tiền 64.000.000 (Sáu mươi bốn triệu) đồng.

Ông Trần Thanh N1 phải đóng hui chết cho bà Trần Thị N với số tiền 32.000.000 đồng (các phần của dây hui chưa mẫn), thực hiện đóng hàng tháng được tính từ tháng 11/2018 (dương lịch) như sau:

- Tháng 11/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 12/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 01/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 02/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 3/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 4/2019 đóng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.
- Tháng 5/2019 đóng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.
- Tháng 6/2019 đóng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.
- Tháng 7/2019 đóng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc yêu cầu ông Trần Thanh N1 phải trả tiền xe 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và tiền vay 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh N1 phải nộp: 3.200.000 (Ba triệu, hai trăm nghìn) đồng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Bà Trần Thị N được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả 3.025.000 (Ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0016291, ngày 21 tháng 5 năm 2018.

Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết